

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

QUYỂN 7 (PHẦN 4)

Kế nói biết thứ vị, trước nói ra ý, đã dùng bảy pháp trước làm sở tu, hai đời thời phát nhập vị bất định, hoặc chưa nhập vị, chưa đắc nghĩa là đắc, sợ cực hạ căn sinh tội trọng, nên phải nói vị khiến thực hành để biết, bốn giáo đều có hai vị chân tợ, ở hiền gọi là “tợ” nhập Thánh gọi là Chân, chân vị rốt ráo gọi là giải thoát, đã chứng rồi vị có thể làm thuyết khác, gọi là tri kiến, tri kiến chỉ là tên khác của trí nhãn.

Kế nêu dụ để nói: Chu tử, v.v... đó là mẫu chính như chân vị, mẫu giữa sắc tía như tợ vị, như đỏ đen hợp thành mẫu tía, chân vọng còn xen lẫn nên gọi là tợ, cuối cùng không ở sau chánh giải thích kế vị, ở trong đó giải thích bốn giáo khác nhau, văn đồng Thông giáo Bảy giờ bốn môn nói mỗi ý của giáo vị, mục đích là dứt hoặc chứng chân, nên trong ba tạng bốn môn gọi là khác, nghĩa là bốn môn không hữu, v.v... vị Bảy giờ tức thất Hiền thất Thánh hai mươi bảy Hiền thánh, v.v..., nên nói có khác trong mỗi môn đều dứt kiến tư duyên lý chân đế, nên nói đoạn và đế lý yếu kém như vậy ch khác. “Sàn” là hiện, người Nhị thừa luận nhiều một đời, v.v... nói người Nhị thừa trong mỗi môn khác nhau, nói một đời, tuy có trăm kiếp ba đời sinh chủng giải thoát phần, v.v... từ niệm xứ trở đi cho đến một đời, hoặc hai hoặc ba hoặc bảy đời, v.v... nói nguyên ý ấy thì sinh chấp chứng, nguyên ý tuy vậy chẳng phải đều một đời cho nên nói nhiều, tuy có bốn môn nói vị khác tiểu đắc quả đại đồng, như phán xét tâm thứ mười lăm kiến tu khác nhau, nên nói tiểu khác, tự ba quả khác phần nhiều nhất định, nên nói không vượt qua thứ lớp, Bồ-tát ba kỳ trăm kiếp nên nói thời gian dài, trăm phước sáu độ gọi là hạnh viễn, k đồng với Nhị thừa một đời đoạn kết, nên nói cũng biệt, rút ngắn khác nhau gọi là đường bí khác nhau đều đến chân đế, gọi là quy về một đường, các Bồ-tát mong ở Viên giáo, tuy quyền thật khác,

mà tâm nguyện hồi hướng k đồng với tiểu.

Năm công đức đủ như trong quyển ba có dẫn.

Kế giáo này ở sau phân tích lẫn lộn, khoa này chính là lựa lẫn lộn, cho nên phải phân tích; kế nói rõ trong thông vi tên Biệt mà nghĩa Thông, như huyền văn đầu quyển năm nói mười nghĩa phân biệt, tin Thông mà nghĩa Viên, tên Biệt mà nghĩa Viên.

Kế nói trong Biệt vị, trước nói ý của biệt vị, kế lược chỉ bày kinh luận, trong Nhiếp luận Hoa Nghiêm phần nhiều nói thứ lớp bốn mươi hai vị, nói một phen đến các giáo khác nhau, lại chỉ bày giáo đây làm lược đại khái, nhưng trong Hoa Nghiêm có Biệt có Viên chẳng phải chuyên một giáo, như kinh nêu bày mỗi vị đều có hai môn hành bố Phổ Hiền, lại trong các kinh luận biệt vị có nhiều đường nên nói một phen đến, nhưng Biệt giáo ở sau chỉ bày tướng biệt vi.

Ban đầu chỉ bày kinh; kế chỉ bày luận, nói chung là như trong nhiếp, v.v... Thông giáo giải thích Đại thừa, Biệt giáo luận là như Trí luận Địa luận, v.v... Biệt giáo giải thích một kinh đầu được, v.v... là phá chấp. Luận nêu bày đương môn là dẫn tốt riêng, người chậm không thông suốt mong có nêu bày không, lỗi có phương tiện, hủy bỏ không khen có lỗi không thông suốt, hai môn ba, bốn cũng giống như vậy, tuy muốn dẫn tiến mà lại nghẽn tắt, nay nói, v.v... kế nói ý luận ý còn lý thông. Thiên mạch, v.v... Nam Bắc là thiên, Đông Tây là mạch, “kinh” như “thiên”, “vĩ” như “mạch”, bốn môn như vĩ các vị như kinh, mỗi môn vị khác nhau đều đến cực quả, nên nói một, phương này, v.v... là chuẩn theo đây mong ở kia, văn nêu thông biệt, ý bao gồm Tạng viên, trong đây chánh nói kế vị Biệt giáo, nên lại nêu Biệt để nói Thông giáo, nói sở thông trong chân khác nhau, cho nên chưa nói hai giáo Tạng Viên, nếu dùng bốn môn thì lý chung nhiếp giáo, mượn khiến phương Tây các luận đều độ lý môn so sánh thì rất dễ biết, tự ý tranh luận mâu thuẫn không sinh. Kinh nói, v.v... chứng minh hướng minh khác mà lý môn đồng, khai quyền bày thật, ba giáo các môn quy về nhất thật, hướng chi đương giáo các môn không dung nhiếp. Đời không rõ suốt, nghĩa là trí là Đại sư phần nhiều ưa phá phân tích, mà không thấy dung hội khiến quy về Nhất thừa, hướng chi do ý dung thông trừ giải thích ngăn trệ, tiêu thông kinh luận giáo pháp không ngăn ngại, kết và chỉ rộng như ở văn.

Kế dùng mười ý dung thông kinh luận, người đầu tiên thấy mười ý có nói đế lý, lại dùng mười thừa để đối mười ý sâu xa không tiện, nếu dùng đối cảnh thì lý tự tương đương, vì sao phát tâm dùng đối tám

giáo, huống chi tám nghĩa sau đối ý hằng khác, như bốn môn đều tiêu, kinh phiên dịch tiếng Hán tiếng Hồ đem đối an nhĩn thật là ch giống, lại môn thứ tư văn tuy nói phá hết, bèn cùng thông bát, cộng thành một văn, huống chi tên thông bát trong văn nay, cùng trong mười thừa thông bát ý khác, huống chi lại tự nói dung thông Phật pháp, Phật pháp thì chỉ một thời kỳ Phật giáo, nên mười pháp thành quán lại ở hạnh môn, nên biết định không được dùng mười thừa giải thích ở đây, lại các vị kinh luận Viên giáo dễ đồng hỏi sinh ra tranh chấp, Biệt giáo đã vậy giới ngoại phân tích pháp, nói rõ vị thứ lớp phụ thêm giáo đạo văn nhiều xen khác nên có nhiều đường, cho nên nhân dùng mười ý dung thông, thứ vị này tức là một ý trong mười, song mười ý này mỗi ý đều khắp tất cả kinh luận, cho nên sáu ý trước mượn dùng giải thích kinh năm lớp huyền nghĩa, bốn ý sau dùng y phụ văn ở trong sáu pháp trước năm pháp đầu chánh năm lớp huyền nghĩa, thứ sáu tức là phương pháp nay khai phá dụng nghĩa, giúp người hậu học biết một pháp bao gồm vô lượng quy nhất, y cứ thứ nhất trong năm pháp trước nói đạo lý cho đến khai hợp, v.v... một thời kỳ Phật giáo đều dùng sở thuyết làm giáo thể, giáo đã bán mãn thiên viên thông đồng, thể cũng tùy theo giáo quyền thật khác nhau, các đế lý hợp tùy trí tùy tình, quy hội về Pháp Hoa chỉ một thật tướng đủ như trong cảnh mâu có nói, dụng này ý hiển thể, ý thứ hai, trước nêu dụ cho, kế tức là ở sau hợp dụ cho lại toan hợp nghĩa để giải thích ý dụ cho.

Cương nghĩa là hỷ cương như vòng ngoài cương, “cánh” nghĩa là tư cách chân chánh như đại thể của vật, dùng giáo để phân tích giải thích được giáo độ xa, nên nói cương cách, giáo tùy cơ khác như cương mục, ngoài chánh gọi là “khuông”, trong thật gọi là cốt, bốn môn ngoài chánh một lý nội thật, “ngang chu” là “bàn đọc”. “Cùng” gọi là “trĩ” các hạnh mỗi môn đều có ngang đọc. Lại dùng tiệm đốn bí mật bất định như khuông, dụng Tạng thông Biệt viên như cốt, ngang dung các môn như “bàn”, đọc quy về một lý như “trĩ”, do tám giáo này thấu nhiếp không ngoài gọi là bao gồm, trong tám pháp bí mật là mật, còn bảy pháp hiển bày nên gọi là lộ. Nhưng còn bảy pháp trong đó đều có mật lộ, lại bí mật bất định gọi là mật, hiển bày bất định gọi là lộ, kinh thanh vị trước. Đốn giáo như thanh Tiệm giáo như trước, trong đốn giáo Biệt trước Viên thanh, trong Tiệm Tạng được còn thanh, lại trong kinh Pháp Hoa chỉ có thanh Lộ Uyển chỉ có trước, Phương Đăng Bát-nhã có thanh có trước, lại dụng tám giáo này đều có ý, bốn giáo như Tạng, v.v... là pháp thức giáo môn. Bốn giáo như Đốn, v.v... trải bày dẫn nhập, Đức

Như lai quyền xảo khéo rõ căn cơ chúng sinh tuy nói tạng, v.v... dùng làm đốn giáo, hoặc khai hoặc hợp, phải tiến phải lùi, tên tuy có tám dụng thì không chung, đủ như trong kinh Pháp Hoa quyển một trong huyền văn giải thích và quyển một trong Thích Thiêm có nói, dụng này phán ý giáo.

Ý thứ ba, một đời giáo pháp đầu đề danh tự, tên bao gồm một bộ, nghĩa trong bộ bao gồm đại tiểu thời tiết nhân quả xen nhau, các tướng như vậy không gì chẳng trái nhau, hoặc một nghĩa nhiều tên, hoặc lia hoặc hợp, hoặc chỉ hoặc gồm, nói nghĩa trái nhau một và nhiều chống trái, không thể dùng thể tình hòa hợp, không thể dùng văn tự giải bày, từ xưa đến nay, chẳng thể thông suốt, đặc bốn món ý không chỗ nào mà không thông các pháp xen nhau làm kia đây, hợp cơ giáo tình nghi chỗ nào? Dụng này giải thích tên ý, ý thứ tư bỏ hết mê chấp, có chấp đều phá, đơn phức đầy đủ không nói các chấp, các giáo tiêm đốn phá lập khác nhau, chấp năng chấp sở chấp tánh khác nhau, dùng ý Pháp Hoa, phá khắp lập khắp, tình không ngăn trệ, năng sở rõ ràng, dụng này nói dụng ý. Ý thứ năm, hễ có việc muốn nói kết thành pháp môn, để đối chân tự tiêm đốn các vị, vị là sở giai hành là năng tu năng sở theo nhau thì phương tiện cùng chứng quả không lẫn lộn, tất cả quyền vị đều quy về quả thật. Dụng này nói ý tông.

Thứ sáu ý là khai phá pháp môn khiến ý Phật không dính mắc, tuy rộng khai phá mới phù hợp bốn văn vẫn không không mất chánh ý trong bộ luận là sợi dây cột. “Chư” là đầu sợi dây, tung ngang khai hợp không mất thứ lớp. Ví ví: Là thể văn thuận, cũng vẫn ngó chừng cỏ, nghĩa là thanh văn nghĩa lý không có lỗi lẫn lộn. Kế bảy ở sau phù hợp trong ý văn.

Khai chương, v.v... Như các nghĩa sơ phạm khai chương đoạn, không gì chẳng sinh khởi, như lưu lại bỏ đi, như nay chỉ quán mười phương mười thừa, không gì chẳng có thứ lớp trước sau sinh khởi, tám đoạn để giải thích, v.v...: Tuy văn trước rút ra yếu nghĩa huyền môn để giải, ngang dọc đều là hợp chung riêng ly hợp hoặc rộng trải khăn bàn, hoặc một vết xe rất lâu, lại phải phụ văn thứ lớp đoạn giải thích, không rộng không lược, có sự có lý, chung dụng bảy pháp trước y cứ lý bỏ giải thích, không liên quan đến lời trau chuốt ở văn chỉ.

Chín đoạn phiên dịch, v.v... phía trước tranh cãi khinh chưa nhiều phân tranh buồn là tiếng phương Tây, đều nói là âm nước Hồ, sau nhân ông Huỳnh Quan hư cấu ngục chế, vào thời cận đại mới bắt đầu từng Hồ tiếng Phạm soi xét để phân, thống lãnh đã là phía Tây đều thuộc về

dòng pháp, bên trái của thiết môn đều nói là Hồ Hương.

Nói Phạm chủng, từ Quan Âm ban đầu trở xuống lần lượt phát sinh, cho nên Năm thiên đều nói là phạm chủng, thời cận đại biên soạn là đặc biệt hứ âm Hồ.

Ý thứ mười phụ văn thành quán, văn không lưỡng lập, quán cùng gọi chung là ấn tâm.

Như giải thích Pháp Hoa, mỗi câu kinh đều có bốn cách giải.

- 1- Nhân duyên
- 2- Theo giáo.
- 3- Bốn tích.
- 4- Quán tâm.

Nếu giải thích kinh khác, chỉ có thiếu bốn tích, ba ý đều chung, sự lý cò như vậy.

Hạnh giải đầy đủ, lại như trong Huyền văn mỗi khoa nghĩa, cũng có bốn cách giải:

- 1- Phân biệt.
- 2- Thô diệ.
- 3- Khai hiển.
- 4- Quán tâm.

Huyền văn giải thích phụ văn không gì mà chẳng thành quán, chẳng phải như kẻ đếm của báu cho người. Trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ rằng: Thí như người nghèo cùng ngày đêm đếm của báu cho người khác, tự mình không được nửa đồng tiền, nghe nhiều cũng như vậy, thí như người mù cố khả năng vẽ, ưa thích việc ấy mà không tự thấy, nghe nhiều cũng như. Thí như người đức khéo bấm lên các âm nhạc, ưa thích việc ấy mà không tự nghe, nghe nhiều cũng như vậy, nầy phân tích thiên văn, chỉ có phiên dịch ở sau bao gồm lui sụt phân tích đoạt, phương âm khác nhau chẳng quan hệ đến nghĩa lý không thể đầy đủ, nên nói chưa rảnh, văn tự Pháp sư, trong quán không giải, chỉ có tướng giảng pháp. Sự tướng Thiên sư không có cảnh trí nhàn, mũi cách dùng tâm, cho đến định căn bản hữu lậu, v.v... một Sư chỉ có quán tâm nhất ý, v.v... đây lại cùng với luận, đoạt thì quán giải thoát đều thiếu thể gian thiên nhân duyên còn lý quán đã không âm giáo dùng quán chọn kinh, thường là tám tà tám phong là Phật tượng sáu, hợp năm ấm ba độc gọi là tám tà, dùng sáu nhập là sáu thông, dùng bốn đại làm bốn đế, như đây giải kinh ngay trong ngục, làm sao can có thể nói được, dù dùng tâm vương giải thích vương năm ấm, niệm một thể là trí bát, là hai chấp là rửa chân, đem giải tên Bát-nhã trí bát, thì không thể được,

dùng thành tựu xưng Pháp Hoa vương xá, đâu không suy nghĩ, đã không phân biệt giả tạo nào nghi, cho nên nay quán tâm trừ bỏ kinh tùy kinh bộ sai khác, nghĩa thế khác nhau dùng lý làm gốc, nêu bày hạnh vị đều có khác nhau.

Vị kế ở sau chánh chỉ bày mười thừa kế vị một ý, tức một kế vị trong mười ấy, vì nói kế vị Viên giác khó hội, nên giảng nói mười ý chỉ bày một thông. Nếu là mười thừa, sao không chỉ nói mười pháp đây là mười thừa, đến đây chỉ một trong mười.

Kế giải thích kế vị Viên giác. Trước nói năm hối là phương nhập vị, người khác viên tu đều không có ý này, toan lấy gì làm đầu mối tu tạo công hạnh, chỉ nói một niệm tức là Như lai. Ngài Không Đàm nêu tâm không đâu chẳng phải pháp giới, suy xét tâm hành hoàn toàn không có mảy may, nếu tu bốn thứ Tam-muội cho đến trùng lập làm phương tiện, nói ý phương tiện, bốn món Tam-muội thông dụng hai mươi lăm pháp làm phương tiện chung, nếu thực hành Pháp Hoa Biệt giáo thêm năm hối, không chung các hạnh, nên nói là chỉ. Nếu trong Phương Đẳng do cầu mộng vua làm phương tiện khác nhau, thường đi thường ngồi và tùy tự ý, thẳng như vậy mà thực hành, mười tâm nghịch thuận tất cả thông đủ, trước biết ở sau nói năm hối ý làm phương tiện nhập quán, cho nên trung lập văn quán pháp, nhưng tâm lý ở sau nói dụng hưởng quán pháp không thể phát chân, cho nên cần phải thêm năm hối, năm hối đây là nhân đầu của vị Viên giáo, nếu lại đạo pháp lâu dài an nhẫn. Tên sám kế ở sau chánh nói năm hối, tuy có khuyến thỉnh, v.v... bốn pháp chẳng đồng, không điều gì chẳng hối tội, nên gọi là năm hối, đủ như văn sau nói trong ý hối đều có sở trị, nay nghi thường của băng nêu ra mười trụ Bà-sa, văn nguyện ở trong kinh Đại Niết-bàn, như kinh Chiêm-sát cũng nêu bốn thứ. Trong Nam Sơn nói: Chiêm-sát không cần phải thêm phát nguyện, do bốn hối ấy đều là nguyện, nếu vậy kinh luận đều có bốn, nay vì sao có năm?

Đáp: Như trong Kinh Di-lặc Vấn chép: Ngày đêm sáu thời siêng năng thực hành năm ấm, không nhờ khổ hạnh mà đắc được Bồ-đề, nên cần phải nguyện, thứ lớp năm pháp kế này: Nếu đều gọi là hối thì không có gì chẳng trị tội lẽ ra không có thứ lớp. Nếu theo Bà-sa, Chiêm-sát thì lớp đều đồng, nếu vậy các văn sám hối dài, cũng có nghĩa năm hối đầy đủ, ban đầu như vậy ở sau tức là sám hối, kế nay Chư Phật ở sau tức hồi hướng, các tội kế bỏ một bài kệ, tức lập lại nêu sám hối, lược nêu bày ba pháp khác; kế một bài kệ lập lại nêu Đức Thế tôn dùng làm quy lễ, nên không có thứ lớp, lại y theo thứ lớp làm sinh khởi. Nếu tội

không trừ, luống lập bày khuyến tỉnh, đã khuyến tỉnh rồi thấy tiếng nghe giáo, y giáo tu hành. Nếu ganh ghét không bỏ thì điều thiện của mình kém yếu, còn không ưa người khác, làm sao có thể hồi hướng, bốn pháp đầy đủ dùng nguyện dẫn dắt, như năm pháp này còn có thể nhập vị, huống chi diệt tội ư? Xưa nay hành nhân đều không để ý luống nhọc khen ngợi gấp tưng chưa tương ứng với nhĩ thức, một đời nếu chuốc lấy luống uổng tín thí này, nghiệp không thọ khác hay thử suy nghĩ.

Ban đầu sám hối: Là văn đầu giải thích tên. Trần lộ: Là trình bày đầu tiên. Hối là nhiếp phục, trong kinh Kim Quang Minh số giải thích phẩm sám hối, trong đó giải thích rộng tên gọi.

Sám gọi là Bạch pháp, hối là Hắc pháp, Bạch pháp còn phải Hắc pháp phải xả. Lại sám là cải vãng, hối là tu lai. Lại sám là trình bày tội. Hối là dứt nối tiếp.

Năm thể như trước đã giải thích, lại văn này chỉ là nói ý sám ấy, lời sám chép đủ trong Pháp Hoa Tam-muội, cũng có thể tùy theo trí lực của mình mặc ý trình bày rộng.

Kế khuyến tỉnh an, đại khái có hai ý.

- 1- Tỉnh trụ ở đời
- 2- Tỉnh xoay bánh xe pháp.

Trong Đại luận nói, v.v... Trong Đại luận mười lăm có giải thích đủ.

Hỏi: Pháp của Chư Phật, pháp nên nói pháp, cần gì khuyến tỉnh. Lại nếu Chư Phật hiện thấy ở trước có thể tỉnh Phật, nay không thấy làm sao tỉnh được?

Đáp: Phật tuy quyết nói mà không đợi tỉnh, tỉnh thì được phước, sao lại không tỉnh? cũng như Đại vương tuy nhiều thức ăn ngon, nếu có người tỉnh sẽ được ân phước, ghi chép tâm ấy cho nên có lợi ích như tu từ tâm, khiến chúng sinh vui, chúng sinh tuy không được vui, niệm thì được phước, tỉnh Phật cũng như vậy. Lại nữa, Phật pháp đợi tỉnh nói cho họ nghe, lại chúng sinh tuy không diện kiến Chư Phật, Chư Phật chẳng hề không thấy, tâm chúng sinh nghe những việc tỉnh. Tạm để Chư Phật không nghe không thấy tỉnh cũng được phước, huống chi nghe thấy mà không có lợi ích? Lại phá ngoại đạo khởi lời nói như vậy, tạo pháp thường định cần gì nói nhiều, ngăn lời chê bai, nên phải đợi tỉnh. Lại ngoại đạo nói, Chư Phật không nên tham thọ trụ đời, vì ngăn chê bai này, cho nên phải tỉnh. Lại nếu không tỉnh thì cho là Phật ái chấp, khiến cho biết không chấp nên phải đợi tỉnh. Lại, các ngoại đạo đều không tỉnh nói, nên nay phải tỉnh.

Kế nói chuyển ở sau trụ đời, đều là văn luận, có các ý này nên phải thỉnh hai lần. Nếu Phật mới thành đạo trước chuyển bốn đế, nay vì cầu Viên giáo cho nên thông thỉnh. Mạng được trụ, v.v... nói chỗ chỉ khuyến thỉnh, cái gọi là thỉnh là thỉnh những gì, nghĩa là thỉnh Phật đại bi, không thỉnh sắc ấm, nếu đại bi chẳng dứt thì thân cứu trụ, nên nêu mạng nghiệp dùng dụ cho để thỉnh trụ, báo mạng như Phật ngã tâm như nghiệp. Lại báo mạng như sắc thân, nghiệp như tâm đại bi, ngã tâm thỉnh Phật không dừng, nguyên Phật đại bi trụ thế, biến hóa cũng vậy, khởi ý thần thông tùy tâm mong cầu, tâm mong cầu chưa dứt thì biến hóa chẳng ngừng, ngã tâm như Phật tâm thân như hóa, ngã tâm không dừng thì nguyện Phật không diệt. Lại thân Phật như hóa, đại bi như tâm, nguyên không dứt đại bi, thì sắc thân không diệt, nay ta thỉnh Phật như đốc lửa lớn vì phá vô minh, ngã tâm không dứt thì nguyện Phật không diệt.

Kế là tùy hỷ: Phật xoay bánh xe pháp chúng sinh được lợi ích ba đời, ta giúp họ tùy hỷ, trước tùy hỷ khuyến thỉnh, quá khứ gieo trồng ở sau, hiện tại nghe nhiều lần được thành thực, lợi ích chưa gieo ở sau hiện tại thành chủng vị lại, mới được lợi ích, nên lợi ích ba đời đều do xoay bánh xe pháp, nên ta tùy hỷ chúng sinh được lợi ích. Trong Đại luận sáu mươi mốt chép: Tùy hỷ có hai thứ:

1. Thế gian.
2. Xuất thế gian.

Nếu người không có gốc lành xuất thế, nay ta tùy hỷ phước thế gian của chúng sinh, cho nên tùy hỷ chung ở hữu lậu vô lậu, đều gọi là phước. Lại phước đức là căn bản của Đại Bồ-tát, làm cho đầy đủ Bồ-đề, bậc Thánh khen ngợi, hành xứ của trí giả. Vô trí thì xa xứ, phước nhân duyên này sẽ được Luân vương, các vị trời cho đến trí Nhất thiết chủng, biết như vậy được chánh tri kiến, cho nên thấy phước mà sinh vui mừng, lại nữa ta phải cùng chúng sinh vui họ tự tu phước cho nên ta vui.

Lại nữa chúng sinh có thiện tương tự với ta là đồng bạn với ta, cho nên ta tùy hỷ. Lại nữa Đại Bồ-tát ở ba đời mười phương và Bồ-tát Nhị thừa tất cả tu phước, mà sinh vui mừng nên gọi là tùy hỷ, nếu không có phước đức thì không khác súc sinh, nhưng đồng ăn uống dâm dục tranh cãi, người tu phước được chúng sinh tôn kính, cũng như thời tiết nóng mà có trăng tròn trong mát, cho nên tùy hỷ. Trong Đại luận ba mươi hai nói như mua bán hương, v.v...

Hỏi: Vì sao tâm tùy hỷ hơn người Nhị thừa.

Đáp: Do tùy hỷ nên thiện đến với chúng sinh, quán chúng sinh

đến chánh duyên liễu ngộ. Như phẩm Thường Bất Khinh trong Pháp Hoa. Bồ-tát Bất Khinh thấy các chúng sinh đầy đủ ba nhân, đều sẽ thành Phật, nên không dám khinh, nầy chỉ cung kính nhân ấy, ba nhân trong chánh nhân đầy đủ, huống chi từ thời vô thủy có nghe một câu liên liễu nhân chủng, búng ngón tay, chấp tay tức gieo trồng nhân duyên, nên Bồ-tát nầy hẳn thấy chúng sinh đều thọ ký cho, nhân đến thân hành hạnh bất khinh, v.v...

Trống độc: Trong Đại kinh quyển chín nói: Thí như có người dùng các thứ thuốc độc thoa vào trống lớn, đánh lên trong đại chúng khiến cho phát ra tiếng, tuy vô tâm muốn nghe nếu có người nghe thì xa gần đều chết, chỉ trừ một người không chết ngang, nghĩa là một người xiển đề vừa nghe liền sẽ phá vô minh hoặc gọi là cận tử, nghe những điều chưa nghe liền khởi nhân đời sau, gọi là viễn tử, các giáo các vị và kinh thời tiết để nói xa gần.

Trong Bốn niệm xứ chép: Nếu có người nghe xa gần không chết, nghĩa là chỉ phá kiến, tư, trần sa, trong Pháp Hoa tùy hỷ các pháp: Là trong phẩm Tùy Hỷ: Từ pháp tòa đứng dậy đến chỗ khác nói cho người nghe, người nghe rồi lại tùy hỷ chuyển giáo, xoay vần như vậy đến người thứ mười lăm so lường nghe pháp mà sinh tùy hỷ, nên nói pháp Tùy hỷ. Đại phẩm nói người tùy hỷ, trong kinh nói: Nếu người nghe tiếng có thể phát tâm thì ta cũng tùy hỷ, nghe tiếng người nầy tùy hỷ người kia gọi là tùy hỷ người, người phải có pháp, pháp phải nhờ người, nên nói xen nhau nêu. “Hồi hướng” do vì tùy hỷ phước cùng chúng sinh, cùng hướng đến Bồ-đề, Bồ-đề như vậy.

Thí chúng sinh: Song tu nhân phước chẳng thể cùng được. Nếu khi được quả, thì đem phước nầy, thì cho chúng sinh. Cho nên Bồ-tát được bốn việc lợi ích lớn cho chúng sinh, lại tự mình được phước, thanh tịnh thân miệng người thấy vui mừng nói ra được tin nhận, khiến được mười điều thiện cho đến chúng trí, cho đến ngài Xá-lợi-phất khiến cho tất cả chúng sinh đắc đạo, cho nên quả báo cùng chung với chúng sinh. Nay trong nhân nói quả nên nói cùng chung. Nếu nói nhân phước chung với người khác, từ mới phát tâm tu các gốc lành đều cùng chúng sinh, lúc sau lấy gì làm nhân thành đạo? Do thể hiện pháp không thể cùng người, nên nay dùng thẳng vô úy vô não chỉ bày cho chúng sinh, dung thông sở đắc nên đến Bồ-đề. Vì thế trong kinh Tịnh Danh nói: Hồi hướng Bồ-tát là Tịnh độ của Bồ-tát, hồi hướng là lợi ích lớn, v.v... nên trong kinh Pháp Hoa nói Phạm thiên lập bày cung điện, đều phát nguyện rằng: Nguyện đem công đức nầy, v.v... như hồi tỉnh nhập giác, v.v... Trong

Đại luận quyển hai mươi ba chép: Hồi hương như có chút vật dâng lên vua, như “hồi thỉnh nhập giác”.

Hỏi: Công đức Bồ-tát cao siêu hơn Nhị thừa có gì đặc biệt.

Đáp: Nay này không đem công đức so sánh, mà chỉ đem tâm tùy hỷ hồi hương mà so sánh, như người thợ khéo giỏi chỉ bày được giá trị gấp bội, người cầm búa dùng công lực gấp bội, nói mãi không hết. Tự hạnh Thịnh văn như cầm búa, Bồ-tát dạy người thực hành hạnh hồi hương cũng như người thợ giỏi.

Trong Đại luận hỏi: Vì sao gọi là Nhị thừa? Vì tự điều tự tịnh tự độ mà không hồi hương.

Đáp: Giới là tự điều, thiền là tự tịnh, tuệ là tự độ, người Nhị thừa chỉ tu ba pháp này. Không thủ, v.v... giải thích đoạn trên ba cõi có bốn: Nghĩa là không chấp khổ, không niệm tập, không thấy diệt, không đắc đạo, ở trong bốn pháp này không phân biệt các tướng nhân quả thế và xuất thế, gọi là không phân biệt, như vậy gọi là chánh hồi hương, thật tướng không chấp cho đến chẳng có phân biệt, có thể hồi hương cho đến các vọng tướng không sinh.

Trong Đại luận nói: Tâm Bồ-tát không. Có Đàn Ba-la-mật cho đến chủng trí, tất cả đều chẳng một tướng vô tướng như Phật đã nói, hồi hương như vậy như tên bắn người khác chẳng có gì không trúng, do thấy vô tướng không thấy không được tất cả các pháp như. Có thể nói tâm hồi hương, đã nói quả Phật của chúng sinh, như vậy năng sở và tất cả pháp, nhất tâm suy cầu đều không thật có, quên năng quên sở, như vậy tất cả các pháp hồi hương, chẳng có gì không quy về thật, nên không thật có. Không rồi nay sẽ, v.v... ba đời suy cầu năng sở, đây không diệt không trụ, lại phát tâm vì mình, hồi hương vì ngày nay chỗ hồi hương là đương, trong chỗ hồi hương cực quả là đương chúng sinh là hiện tại. Lại chúng sinh cũng có đương hiện, tức các chúng sinh gọi là hiện, cùng phước sẽ được gọi là đương, như vậy ba đời tất cảnh không thật có. Như Chư Phật ba đời sở tri, v.v... chỉ có một thật tướng là Phật sở tri sở kiến đã thừa nhận, ở trong năng tri tức chủng trí, năng kiến tức Phật nhãn, năng hứa tức bốn lời hoằng thệ và tất cả hạnh, này gọi là chân thật, v.v... như sở tri của Phật mới gọi là chân thật chẳng phải hướng về quả tạm, quả tạm luống dối, tức đối với quả phá tạng thông trông mong, nói tối thượng chẳng phải thượng của thượng trung hạ, tức chỉ bên Viên giáo gọi là tối thượng, tối thượng cho nên đầy đủ, đây là phá Biệt giáo. Thì không chê bai Phật, v.v... chấp quả Phật là có, cho đến phi hữu phi không, đều gọi là chê bai Phật, vì sao? Vì quả Phật phi hữu cho đến phi

hữu phi vô, chẳng phải khổ nên không có lỗi, chẳng phải tập nên không ràng buộc, có đạo nên không độc, có diệt nên không mất, này y theo bốn đế vô tác là hồi hướng. Nói không có khổ tập chỉ có đạo diệt. Lại nói theo sự mà nói, lý tức khổ tập vốn là đạo diệt, sao chỉ có, v.v... Ba pháp trước nghĩa là sám hối khuyến tỉnh tùy hỷ, một pháp sau nghĩa là phát nguyện, trước sau đều nêu bày nay ý hồi hướng, y bốn đế vô tác mà không thấy đế, gọi là chân ngã hồi, năng phát chân vị, nên dẫn dắt luận Bà-sa chứng thành ý Viên giáo, nên biết năm hồi đều y theo vô tác, mới khiến sám hối thấy tội tánh vốn không, khuyến tỉnh biết pháp thân thường trụ, tùy hỷ rồi phước đồng chân như phát nguyện đạt được năng sở bình đẳng.

Kế nói phát nguyện.

Ban đầu giải thích tên nói như thừa nhận người và vật, v.v... là trong quyển y cứ sơ lược. Nói văn, v.v... sách để phân biệt dùng dao phán xét chê bai nên nói đó là kế hợp, nên chữ từ đạo, “ngự” là thị, là chủ tất cả các pháp dùng nguyện để chăm lo, do nguyên làm chủ, cũng gọi là dưới đến vật hạnh. Trong bốn hoàng thế chúng sinh phiền não là ác, pháp môn Phật đạo là thiện, ngăn ác là gia trì, trì thiện là chung trì, các hạnh như thế, nguyện như lửa. Đồ gốm là ngói gạch chưa nung, có thể mặc tình lợi tha gọi là thanh vật, bốn hoàng là nguyện chung, v.v..., tất cả các nguyện bốn hoàng nhiễm hết, nên gọi là chung Pháp Tạng, v.v... Trong quán kinh Bi Hoa đều nói: Nhân Vệ-đà gọi là pháp tạng, ở chỗ Tự Tại Vương Như lai có hai trăm mười nước ức cõi Phật phát nguyện, lại trong Quán Kinh chép: Tỳ-kheo Pháp Tạng vì muốn nhiếp thủ cõi Phật, nên phát bốn mươi tám lời nguyện phát nguyện này rồi mặt đất phát ra sáu cách rung chuyển, được Phật thọ ký. Trong kinh Đại A-Vệ-đà chép: Khi làm Bồ-tát phát hai mươi bốn nguyện: Nếu không thành nguyện này thì không thành Phật, số nguyện không đồng, lộ khác kiến biệt, không cần cùng hội. Trong kinh Bi Hoa thì không có Biệt nguyện, nhưng nói là thủ cõi Phật, nên phát bốn hoàng thế nguyện, nên biết tất cả Bồ-tát phàm phu thấy Chư Phật, không ở đâu mà không phát nguyện chung biệt nguyện riêng, nên trong đại luận quyển tám hỏi: Bồ-tát tu hành tự được tịnh báo, cần gì phát nguyện?

Đáp: Có phước mà nếu không nguyện, như trâu không người chăn thì không đến đâu được, như Phật đã nói: Không người nghe pháp như nhạ ở giữa cõi trời trong lòng lại suy nghĩ.

Hỏi: Nếu không nguyện: Là không được quả báo ư?

Đáp: Tuy được nhưng không bằng có nguyện, nguyện thì chẳng

thiếu phước mà được quả rộng lớn.

Hoa Nghiêm: Trong tân kinh quyển mười bốn chép: Trải qua sự biệt nguyện. Lại trong Phạm Võng phát mười đại nguyện, mười ba thế, trong Đại kinh Thánh hạnh văn nguyện rất giống, lại thứ mười bốn phẩm Phạm Hạnh nói, nếu thí thực, khiến các chúng sinh được đại trí ăn món ăn pháp hỷ ăn món ăn Bát-nhã, nếu khi thì nước khiến các chúng sinh đến sông Niết-bàn uống tám vị nước, được vị cam lồ, theo đây nêu bày và Hoa Nghiêm, v.v... tùy cảnh phát nguyện tùy theo trí lực của mình, cần gì như văn, nếu có văn thì may mắn y theo Phật nói, các văn như thế đều là biệt nguyện, nay trong năm hồi nghĩa bao gồm chung riêng, nên biết năm hồi chẳng phải thích nghi của hạnh nhỏ.

Như trong Kinh Di-lặc Vấn: Đức Phật bảo A-nan, Đức Di-lặc thuở xưa không tu khổ hạnh, chỉ tu đạo phương tiện khéo léo an lạc, tính tập Vô thượng Chánh Đẳng Bồ-đề. Ngài A-nan nói: Thế nào gọi là phương tiện khéo léo?

Đức Phật nói: Ngài Di-lặc khi xưa hành đạo Bồ-tát, ngày đem sáu thời siêng tu năm hồi mà được Bồ-đề, trong kinh ấy văn hồi có hai mươi ba hạnh, cũng không nêu bày riêng lời câu năm hồi, nhưng thường thỉnh Phật thường nói hồi, còn ba pháp cũng vậy, như nói có tội ất sám hồi, phước này đều tùy hỷ, nay con thỉnh Phật, nguyện Thánh trí Vô thượng, nếu theo đây nêu bày chưa chắc mỗi đều nói, nhưng người tu hành trí kém, tâm duyên khó đúng, nên phải một phen y cứ, như trong luận Bà-sa bốn hồi tuy nghi thường của tăng, cũng phải khéo ý kia dùng làm vận niệm, đủ như trong nghi Nam Sơn Chánh Hạnh có chú giải, từ nay ở đạo tràng, chung kết ý hồi, đều vì phá tội, xưa gây ra đại ác, ba nghiệp đều nặng, nên nay sám hồi ba nghiệp đều vận dụng, phát tâm mạnh mẽ mới phá đại ác, khuyến thỉnh phá tội chệch bại pháp, cũng nên trước nói sám hồi các tội ở nghiệp giá tánh, văn thiếu nghĩa đủ.

Văn kế: Xưa nghe các pháp mà sinh phỉ báng nay thỉnh Phật nói khiến tất cả nghe, cho nên tội lại chệch bại pháp. Tùy hỷ phá tội ganh ghét, xưa đối cảnh sinh ganh tỵ, nay tùy hỷ tất cả nên được lại phá tâm xưa ganh ghét, hồi hướng phá các tội, xưa làm phước nhưng thuận theo sinh tử, vì các hữu nhân không thể tự miễn, đâu thể khiến người khác há hữu nhân, nay đủ hai hồi hướng tự miễn, miễn cho người, cho nên hồi hướng, thuận môn Niết-bàn, nên nói thuận không, vô tướng, v.v... Cũng nên nói: Người phát nguyện phá tội tà nguyện, tức dẫn bốn pháp trước khiến đến chỗ ở. Nếu có thể ở sau chánh giải thích vị Viên giáo, ở giữa ban đầu nói rõ công năng năng nhập phẩm vị của năm hồi, do

năm pháp này giúp khai phẩm đầu, cho đến nhập trụ, xa do năm pháp này, văn phẩm trước đều chánh giải thích.

Kế dẫn chứng minh giải thích, phẩm đầu dẫn văn, y cứ phần văn, chính là văn của bốn tín hiện tại.

Nói bốn tín là:

- 1- Niệm tùy hỷ
- 2- Giải ngôn thú ấy
- 3- Nói rộng cho người nghe
- 4- Tin sâu quán thành.

Cùng với Phật diệt đầu tiên của năm phẩm, hai chỗ tùy hỷ văn nghĩa rất đồng, nên nay xen dẫn để chứng minh phẩm đầu, phẩm thứ ba dẫn trong văn. Nói không phải xứng chùa tháp, v.v... phẩm thứ ba này quán hạnh. Và lại do nói pháp tăng thêm quán tâm, quán tâm thành tựu, mới thành thứ tư, thứ tư chưa thể sự lý tức nhau nên nói bàng hành đến phẩm thứ năm sự lý không hại, nên nói ngay người khởi lập thêm lớn. Cúng dường khen ngợi chúng tăng Thinh văn, cho đến đủ sáu, đầu chấp thứ ba hằng khiến bỏ việc đầu chấp một đại khái trong pháp chấp năm khiến cho thực hành, nên người tu hành phải khéo giáo ý, nhập phẩm thứ năm, làm việc chưa muộn, hành nhân sơ tâm phải dùng năm pháp này khéo tự điều phục, quả thật biết tiến hay phải dừng nên thực hành. Lại mỗi phẩm trong năm phẩm khiến tu năm hối, hướng chi là người thường ư? Vì trong mỗi phẩm đều có chương, cho nên trong Bốn niệm xứ lấy năm phẩm này suy xét năm pháp quán dừng tâm, vì phòng sơ tâm, tướng ấy thế nào, ba tạng đầu dạy dùng sở tức để ngừng dứt tán loạn, nay vì tùy theo lý trừ ở nghi tán, ba tạng dùng quán bất tịnh để dừng tham, nay do đọc tụng, dứt trừ tạp nhiễm, ba tạng dùng từ tâm trừ sân, nay do nói pháp, thâm trị pháp thân, ba tạng dùng nhân duyên trừ si, nay dùng sáu độ tối tăm trị vô minh, ba tạng dùng niệm Phật dứt trừ chướng, nay dùng lý quán từ ở sự tướng, nếu vậy chung riêng làm sao?

Đáp: Trong Biệt giáo chỉ dùng hại hạnh giới định mà định tâm kia trong Thông giáo có năm, nên quán sở tức, v.v... không sinh không diệt mà làm dừng tâm. Nếu vậy ở sau nói đồng khác. Lại nữa, ở sau y cứ ấm giới nhập để nói vị kế, trước tuy y cứ giáo để nói vị Viên giáo, nay lại y cứ phạm thánh để nói vị năm ấm. Nói năm chủng nhân là quả địa Nhị thừa và ba giáo sau dứt hoặc Bồ-tát sinh giới ngoại, sau vị này đã đối với bốn đức dùng làm ngôi vị Phật, nên biết Phật nêu ra đều thuộc ba thứ Bồ-tát. Cho nên phẩm kế nói vị ấy, ở trong đó kế nói ngôi vị Thập tín năm phẩm đã viên phục được năm trụ, há đến vị này riêng

dứt kiến tư, chỉ là viên tu thô hoặc dứt trước, cũng như luyện sắc thô cấu trừ trước, v.v... người không thấy lại cho rằng Pháp Hoa sáu căn là viên, nhân vương trường biệt ba cõi là tiệm, đã nói kinh Pháp Hoa là tiệm đốn, làm sao giải thích vị tức là đốn đốn, hướng chi là sở dẫn nhân vương bốn chứng Pháp Hoa, làm sao ly khai phân thuộc hai món lại trừ vị viên, rồi tất cả các vị không có Thập tín phá kiến tư, so sánh giải thích viên tín đủ như văn Bốn niệm xứ, nay văn chỉ lược giải thích Sơ tín mà thôi, nay y theo giới Bồ-tát sơ giải dùng mười pháp Thánh thừa so đối Thập tín, lại dùng mười pháp ngang nhập Thập tín. Nói dọc đối: nay văn Sơ tín dùng đối với cảnh.

Kế tu từ bi để đối niệm tâm khéo tu tịch chiếu để đối với tấn tâm, khéo tu phá pháp tức nhập tuệ tâm, khéo tu thông bát, tức nhập định tâm, khéo tu đạo phẩm, nhập tâm bất thối, khéo tu chánh cần nhập tâm hồi hướng, khéo tu các vị nhập tâm hộ pháp, khéo tu bất động tức nhập giới tâm, khéo tu an nhẫn, thì nhân tâm nguyện, nay văn chỉ quán thiếu không có thứ lớp và tên khác nhau, nay nói Đà-la-ni, tức bất thối ấy, còn không có thứ lớp chỉ toan nêu bày văn giới số, so sánh rất dễ thấy. Nói nhập ngang là mỗi tín tâm đều đủ mười pháp, nên trong kinh Anh Lạc nói: Một tín có mười, mười tín có một trăm.

Lại trong Bốn niệm xứ nói: Năm phẩm đều có mười pháp thành quán, năm phẩm còn như vậy hướng chi Thập tín, cho nên Mười tín đều đủ mười pháp, cho nên đến Sơ trụ chuyển gọi “Mười đại”.

Kế nhập ở sau vị chân, trong Bốn niệm xứ và giới sơ Bồ-tát, đều nói lược Sơ trụ trở lên Viên giáo Thánh vị, cũng lược ghi chép. Vì sao?

Ban đầu phát tâm trụ ba món khai phát tức chánh duyên liễu, là nói ba pháp cảnh trí hạnh tương ưng cho nên gọi là phần chứng ba đức, nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: Tất cả công đức Sơ trụ Chư Phật ba đời đều khen ngợi không thể hết, khi mới phát tâm lại thành Chánh giác, rõ đạt tánh các pháp chân thật, những việc nghe pháp không có người khác ngộ.

Kinh Tịnh Danh chép: “Biết tất cả pháp đây là ngộ đạo tràng”. Trong Đại Phẩm nói: Sơ phát tâm ngồi đạo tràng. Chữ “a” là môn, v.v... đều là vị tướng Thập trụ bên Viên giáo, nếu vị Thập địa của Biệt giáo mới đồng với Thập trụ Viên giáo, nên trong kinh Anh Lạc nói, Sơ địa một phân pháp thân vô tướng, trí hạnh thành tựu, trăm muôn A-tăng-kỳ công đức, song chiếu hai đế, v.v... đủ như trong quyển ba có dẫn, cho đến Đẳng giác công đức khó nghĩ bàn, chỉ y cứ hóa đạo để nói công dụng, như Sơ địa trăm cõi Nhị địa ngàn cõi cho đến muôn ức các cõi, hiện thân

cũng vậy, sau Thập trụ Thập tín lại tăng thêm mười phần, lại mười lần trí đoạn phá mười phẩm vô minh, niệm niệm lưu nhập bình đẳng biển pháp giới, các pháp Ba-la-mật nhậm vận sinh trưởng, gọi là Thập hạnh, sau Thập hạnh là đạo vô công dụng, chân minh lại tăng thêm mười lần khai phát, nguyện hạnh sự lý tự nhiên dung hòa, hồi nhập biển pháp giới bình đẳng, lại phá mười phẩm vô minh, gọi là Thập hồi hương, sau hương lại phá mười phẩm vô minh, đạo vô công dụng cũng như đại địa sinh ra tất cả công đức, gánh vác tất cả Phật pháp, gánh vác chúng sinh pháp giới, nhập ba đời Phật trí địa, sau địa quán suốt nguồn gốc vô thỉ vô minh, bờ mé trí mẫn rất ráo thanh tịnh, dứt cùng tột nguồn vô minh nhỏ nhiệm sau cùng, lên đỉnh núi Trung đạo cùng cha mẹ vô minh phân biệt, nầy gọi là hữu sở đoạn, có tên thượng sĩ gọi là đắc giác vị, vị nầy hậu tâm rất ráo giải thoát Phật trí Vô thượng. Vô sở hữu đoạn, gọi là Vô thượng sĩ mười pháp đến nầy mới được gọi là đại, gọi là lý đại nguyện đại, trang nghiêm đại trí đoạn đại, biến tri đại đoạn đại, dụng đại quyền thật đại lợi ích đại vô trụ đại, thứ lớp để đời mười pháp thành thừa, giải thích tên gọi so sánh nghĩa cũng có thể hiểu.

Thứ chín an nhẫn chặng giữa ban đầu cũng là pháp trước.

Kế dụ cho; Sau hợp; trong pháp ở đầu nói: “Hiệp” là nói. Trong dụ kế nói: Mũi nhọn, v.v... lại lấy sương bay mà dụ với mũi nhọn, thông khéo ở cái nghe tâm minh mẫn với sự.

“Duệ” là trong văn nói: Hiểu sâu, là trí, là dụ quá là vượt.

Sớ là ghi; Đồng là chảy nhanh, tức là thấu suốt, cũng là sâu xa. “Hoài” là “cõi” trong kinh Thơ nói: Ta an ủi là âm tốt, “Thuật” là nghệ thuật của đạo. Thiền sư Nghiệp Lạc: Nói Thiền sư Nghiệp ở Tương châu tức kinh đô của Tề Ngụy, là nơi Phật pháp rất hưng thịnh, một vị vua của Thiền tổ hóa trị nơi ấy, được lòng người đương thời mà ý không muốn nổi tiếng. “Lạc” tức “Lạc Dương”, “quần” là “bạn” là “bối”. Võ Tân khen rằng: Đại sư Nam Nhạc là người ở Võ Tân Trần Châu Hạng, Võ Tân là địa danh, trong truyện nói Ngài lãnh chúng rất sớm. Nhưng nói có Trí Đoạn sư thưa hỏi những chỗ nghi của thiền, Ngài suy nghĩ nhân đó vì Trí Đoạn mà nói pháp môn Thập địa tâm mắt của sư rất lạ.

Sư Trí Đoạn nói: e giai vị Thập địa của Sư.

Sư nói: Ta là Thiết luân Thập tín, đúng là người mới học truyền nghe lạ, người viết văn nguyện văn ấy đang hiện hành, nhưng văn dẫn có bốn cách phân biệt, có người so sánh văn nầy với ba thuật, chẳng những thường không tương đương, mà cũng chính ý văn thường có khác nhau. Ba thuật là mật ý của Thiên Thai, bốn trạch là văn nguyện của

Đại sư Nam Nhạc, dẫn văn so sánh với này e chưa tiện, nay nói Đại sư dẫn ra ý, dùng để răn dè người học đời, sau phải khéo quyết trạch, siêng năng không thôi nói bốn độ, cho nên Đại sư Thiên Thai chỉ ngài Nam Nhạc là người cao siêu, nêu ra răn dè thâm sâu để làm phép tắc cho người sau, người học đời sau hãy lấy đó làm gương soi, gương soi có công năng chiếu soi hình không ngay.

Kế dẫn Đại luận, Bồ-tát ở núi sâu, v.v... Trong Đại luận quyển mười chín giải thích trong Thiền độ.

Hỏi rằng: Đại Bồ-tát nên giáo hóa chúng sinh thành Phật sự, mà vì sao ở trong núi sâu tự tu tĩnh là trái với thực hành từ bi lợi tha?

Đáp: Thân tuy xa lìa mà tâm không xa lìa, cũng như người bệnh uống thuốc để thân mạnh khỏe, sau đó mới trở lại sự nghiệp hoằng hóa.

“Khang” là “an hòa”, Bồ-tát cũng như vậy, uống thuốc Bát-nhã bệnh phiền não tiêu hết pháp thân khỏe mạnh bình phục, làm việc giáo hóa chưa muộn, cho đến sáu căn, v.v...: ở đây nói ban đầu nương cực vị sau cùng, chung năm hoặc trước đều thuộc nương ban đầu, cho nên trong Đại kinh nói: có tánh phiền não có thể biết tạng bí mật của Như lai, vô minh hoàn toàn ở danh đầy đủ phiền não, đại tượng ngăn cách, v.v... tức là do chín hạnh gọi là đại tượng, không đồng với văn trước đối trị trong văn, nhưng do ba ký gọi là đại tượng, không sợ sinh tử gọi là ngăn cách, “Hãn” là “Vệ” cách nên từ đất trong Kinh Lễ nói: Phát rồi sau cầm thì ngăn cách mà không cao siêu: Trong chú giải chép: Ngăn cách là bền chắc mà không thể vào, từ cây từ tay đều chẳng phải ý này, trước dùng năm phẩm là tiểu tượng, nay lại dùng sáu căn là đại tượng, đã lìa giới ràng buộc tự tại khả năng kham nhận, phiền não không nhiễm như dao tên không lập bày, chủng trí hóa vật như ánh sáng mặt trời chiếu thế giới, vật từ vô tử khổ cũng như băng lâu dài, căn cơ thuần thực được lợi ích gọi là tự trị, “tượng” dụ hiện thân ứng hiện đời lợi vật, nếu được danh dự, bị ba việc làm nghiêng đồng hư hoại, hai việc trước như ngăn một khiến quán pháp tàn diệt gọi là nội xâm, quyến thuộc như tập khiến các hạnh phá hoại, gọi là nhánh lá ngoại tận, cũng như ngoài cây đại thọ các loài chim nhóm họp bên trong các loài trùng bò cạp cắn rủa cây sẽ chết, sâu mọt là loài trùng hại vật, cũng nói trùng ăn quế. Nói ba thuật: Như văn trên tự nêu bày:

- 1- Không thọ, không chấp
- 2- Thiếu đức hiện bày dấu vết
- 3- Một phen nêu muôn dặm

Trong ba thuật: Nghĩa là thông giả tung, ngoại chướng là nhuyển tặc nghĩa là danh dự; nội chướng là cường tặc nghĩa là phiền não, v.v... cho nên trong ngoài dùng thuật khác nhau, “luân” là “một” chìm đắm; Tỳ phụng là gió mạnh, gió này ở ngoài núi Thiết Vi. Nếu không có núi Thiết Vi thì khởi núi Tu-di, cũng như có thối nát, nên dẫn ra để so sánh, vẫn nêu bên thiên thiếu ác là đầu mối trái thuận, nên biết trái thuận chưa được lãnh chúng. Như trong Di-sa-tắc, Đức Phật nhân Điều-đạt lãnh chúng bèn dẫn việc mà nói: Xưa có vị tiên ở trong núi đọa sách Sát-lợi, có một con chồn lại đọc, tự suy nghĩ rằng: Ta hiểu sách này đủ làm vua loài thú, do đó ra ngoài đi dạo, bắt gặp một con Cáo mà nó muốn giết, con Cáo bị vây nói: Vì sao gặp tôi lại giết?

Dã hồ nói: Ta là vua loài thú, người không phục ta nên ta phải giết người.

Con Cáo nói: Ông chớ giết tôi tôi sẽ theo ông, như vậy lần lượt phục đến các loài sư tử, phục sư tử rồi lại khởi niệm, nay ta lại không lấy thú làm vợ, bèn dẫn các loài thú đến vây quanh nước Ca-di, trăm ngàn muôn vòng.

Vua sai sứ hỏi: Sứ về đáp lại ý, các thần đều chấp nhận, chỉ có một thần nói: Từ xưa đến nay, chưa từng thấy Nhân Vương lấy con gái gả cho thú, thần muốn phải giết con Cáo này.

Vua hỏi làm thế nào?

Thần này nói: Sai sứ khất cầu một kỳ ước, ắt khiến cho Sư tử đánh nhau trước sau đó rống lên, Cáo cho rằng chúng ta sợ Sư tử rống, sẽ cho Sư tử rống trước sau mới đánh, mà nếu Sư tử rống các thú sẽ chạy tán loạn, vua y theo lời thần tính, đến ngày ra quân sự việc quả như đã tính, loài Cáo vừa nghe tiếng Sư tử rống, tim bể thành bảy phần, bị voi đạp mà chết, các loài thú đều chạy, Phật nói bài kệ rằng:

Dã hồ rất kiêu mạn

Ham muốn cầu quyền thuộc

Đi đến thành Ca-di,

Tự xưng là vua thú.

Người kiêu mạn cũng vậy

Hiện đời lãnh đồ chúng

Ở nước Ma-kiệt-đề.

Chư pháp dùng tự hiệu.

Sớm lãnh chúng cũng vậy,

Danh thành tổn mình lợi,

Ích người khác càng ít.

Trang Tử nói: “Danh” là món đồ của công, chẳng thể lấy nhiều, “đồ gồm am hoa” là đều ở trong Đại luận, dụ dùng sơ tâm “đôi” là đồng đất. Nếu làm chữ “đôi” nghĩa cũng chung ở “đôi phụ”.

Hoa Yêm-la là nhiều hoa mà ít trái, nếu được ý này không cần phải chín cảnh, nếu có thể đối với ẩm cảnh này an nhẫn, thì được nhập căn thanh tịnh, cũng là hai cảnh Bồ-tát Nhị thừa, hướng chi là bảy món phiền não, nên y cứ người này không cần nói lại chín cảnh sau, không nhẫn trái thuận nên chín cảnh sinh, trái tức là ác, thuận tức là thiện, đủ như văn trước xen nhau phát hiện phán xét chặng giữa có các tướng thiện ác, nên biết thượng căn chỉ quán âm cảnh cho nên ẩm an nhẫn không thuận, chín cảnh ở sau.

Mười trong không có pháp ái, thực hành chín việc trên việc qua các chương trong ngoài, trong ngoài như hưởng phân biệt, an nhẫn này rồi, đã nhập sáu căn, không được phát chân, vì do trụ chấp, chấp pháp tương tự gọi là đánh đọa, nên Thông giáo trải qua bốn giáo, nói nghĩa đánh đọa.

Văn đầu lại nương ba giáo đánh đọa, bắt đầu đã không nhập vị khứ, là chánh nói nghĩa đánh đọa của văn này.

Ban đầu nói đánh đọa của ba tạng, chép đủ như trong luận Tỳ-đàm có nói, trong văn trước phân biệt chẳng phải ngôi vị đánh đọa, nghĩa là như một bề lui sụt thì không gọi là đánh đọa, Nhẫn vị qua đánh lại không gọi là đọa, ở giữa hai vị trụ đánh gọi là đọa. Vì sao? Vì năm căn nhẫn vị lại không xuất quán, nhẫn trên phát chân cho nên không đọa, ở trong đánh pháp phần nhiều sinh tâm ái, thì nên nhập đánh mà không đắc nhập, vì lui sụt đánh nên tạo ở trong nghịch, được gọi là đọa, đánh đọa bên Thông giáo nêu bày ở đây nên biết đánh vị Biệt giáo ở trong Thập hạnh, nên không có nghĩa đọa, nhưng chưa có nhân địa gọi là đánh đọa, cuối cùng không gây ra lỗi.

Trong Đại luận nói: Ở sau nêu ra vị Viên giáo tương tự hữu ái, người đời nay ở sau nay nói về Viên giáo đến khi Thập tín, hoặc sinh tâm ái không nhập Sơ trụ mà sáu căn tịnh định vị không đọa tiểu, thì do trụ đánh gọi là đọa chẳng phải thối đọa. Vì trong sáu căn không có nghĩa thối, hướng chi lại có tạo trọng nghịch ư? Nên đánh đọa này khác với Tạng giáo, Thông giáo ở trước, nên trong Đại luận quyển ba mươi nói nghĩa đánh đọa có hai thứ khác nhau:

1- Đánh thối gọi là Đọa.

2- Trụ đánh gọi là Đọa.

Trong giáo Tiểu thừa, tuy đủ hai nghĩa trụ đánh phần nhiều thối,

cho nên nay Viên giáo kiến tư đã rơi rụng chỉ có trụ đánh một nghĩa đọa.

Trong Đại luận quyển bốn mươi hỏi: Đánh không lẽ đọa, vì sao nói đọa?

Đáp: Đưa ra cận lẽ ra đặc mà lại mất, gọi là Đọa. Nếu được đánh thì trí tuệ an ổn, không sợ đọa, đầu theo nghĩa đầu, dùng thói làm đọa, nếu nghĩa thứ hai chỉ dùng trụ đánh không tiến không lùi gọi là đọa đây thì Thập tín sơ tâm cũng gọi là nhu, nay chỉ quán ở sau chung kết chỉ bày, ban đầu từ cảnh mâu cuối đến lìa ái, hạnh giải đầy đủ, chánh trợ không thiếu. Đã tiến đi là đến ở Sơ trụ, nhập vô công dụng tự có thể tiến đọa, nhập trụ trở đi nay vẫn không nói đến, nên nói đồng với này. Trong các kinh luận Sơ trụ trở lên, phần nhiều nói tướng giúp Phật hóa tha, lại không chọn lựa luận ở tự hành, cho nên nay nói công đức nhập trụ đã không nói đến, nay ý lại đến đời sau tu hành, sau phải nói lại, đến cảnh Bồ-tát, lại phải nói rộng, cuối hạ không nói ở sau không luận đến, bắt đầu từ đầu quyển năm đến đây, chánh đáng nói pháp, nói mười pháp cảnh ấm thành thừa xong, mười pháp này kể ở sau dẫn đại xa trong kinh Pháp Hoa, để dụ cho mười pháp.

Ban đầu lược nêu; kể nêu bày văn kinh; kể nữa hợp, kể nữa kết, lại thuận thứ lớp của kinh lại không nương thứ lớp mười pháp, nay dùng mười pháp tùy theo so sánh đầy đủ. Cảnh đại xa cao, rộng không thể nghĩ bàn, từ bi ngăn che, giây báu xen nhau liền phát tâm, đặt để gối đỏ, gối có trong ngoài, hoặc trong xe gối ngừng nghỉ các hạnh, tức an tâm, hoặc gối ngoài xe hoặc động hoặc tịnh, động tịnh chỉ là nghĩa thông bát, phá bát còn thông ngay bát mà thông, mau kia như gió tứ phá vô minh, là phá nghĩa biến.

Trong Đại Phẩm chép: Pháp ái khó dứt, cho nên xử xử nói phá vô minh Tam-muội, bắt đầu từ dê trắng cuối đến bằng thẳng, nghĩa đọa phẩm, lại phần nhiều là đi từ chánh trợ, trong bài tụng nói “Tân tùng” là lẽ, dẫn dắt.

Lại nói, đội bên. Đọa ở bốn phương, tức vị kế an nhẫn lìa chấp ở đầu vị kế, cho nên thân lại nữa kết vị, bắt đầu từ sơ tâm cuối đến rốt ráo, an nhẫn chỉ là nhẫn ở năm phẩm hai cảnh trái thuận, khiến nhập sáu căn, lìa ái chỉ là lìa trong sáu căn tương tự pháp ái.

“Uyển duyên” trong Bì Thương nói “uyển” là áo xiêm gấm, “Diên” là chiếu, nên làm chữ “Diên”, chữ “Diên” đây là mũ cho Thiên tử gọi là “Diên” cũng nên dùng chung. Lại vị kế chỉ là giai cấp của hạnh, e hạnh sinh lẫn lộn, nên ở trong vị kế Biệt giáo nêu ra năm phẩm, sáu căn thanh

tịnh.

Khuyên lệ hạnh: Là khiến cho lìa ái lìa chướng, nên biết bảy pháp trước chánh nói thể xe cho đến độ đủ, ba pháp sau chỉ là sở thiệp của thừa, nếu không có sở thiệp thì nghĩa vận không thành tựu, cho nên mười pháp gọi chung là thừa. Kế kết vị: hễ có tâm là đủ ba phép bít, ba phép bít này thông ở lục tức, lý tánh thể xa độ đủ giúp thành, trâu trắng quán chiếu ở một tâm niệm, tức là lý tánh, nghe danh khởi quán gọi là đồng ban cho, các thừa thừa nhận vị khác nhau, nên có quán hạnh tương tự đẳng biệt, cho đến bốn phương thẳng đến đạo tràng đạo tràng còn có hiệu quả thừa, cho nên nghĩa nhân quả thừa chẳng phải không, người đời nay ở sau phân tích tá, thiết” là giả thiết. Chữ “tá” là tư phản tạ, nếu mượn tên thừa, chỉ là tà thừa, thừa vốn lấy vận tải thành nghĩa, tà pháp không vận tải nên gọi là “tá”, đã là tà pháp không ngoài các chấp, các chấp có đủ sáu mươi hai kiến chấp, từ chánh pháp đến sau hiển bày chánh, chẳng đồng với ác không, nên nói là chánh pháp, chánh pháp ngăn tà nên nói đại Thánh, không thể hoại nên gọi là Kim cương, đầy đủ các pháp gọi là Bảo tàng. Cụ túc nghĩa là giải thích bảo tàng, vô quyết là giải thích Kim cương, như diệu thừa này đâu đồng với ác không, cùng mà nói chỉ có thể xa, đã không đủ độ nên gọi là “ngốc”. Đoạt mà nói là thể dụng đều phi nên gọi là “ngốc” vì thể dẫn trong Đại kinh thừa là thứ xe lửa chẳng những thiếu trâu trắng Bát-nhã là sở thừa của lửa, nhậm vận chẳng phải chánh nên chẳng phải cao rộng. Lại nói hoại đều không trang nghiêm, hướng chi là khởi chấp vào ba đường ác. Ngồi thẳng quán ấm giới nhập xong.

Chỗ nói rằng: Ngồi thẳng há cách các nghi, trong bốn Tam-muội thường để ở đầu, cho nên trước nói ba pháp thường hành, v.v... cũng có thể dùng chung, các duyên đối cảnh tự nhiếp ba pháp khác, cho nên lại phán xét dùng làm ngồi thẳng.

Hỏi: năm ấm đều ở quán ngồi thẳng ư?

Đáp: Ấm chung ba tánh không cách các nghĩa, văn trước lại nói dụng quán ngồi thẳng, các nghĩa ở sau các duyên đối cảnh.

Kế nói các duyên đối cảnh, bài tựa trước nêu ra ý.

Kế ở sau chánh giải thích, chánh giải thích trong văn trước nói các duyên.

Kế nói đối cảnh, y cứ trong duyên. Ban đầu ở hành duyên nói đủ mười pháp.

Kế là y cứ ở sau kết ý; kế hành duyên đã vậy ở sau nêu năm duyên; kế ba pháp Tam-muội ở sau giải thích nghi; kế là xưa có Quốc

vương, ở sau dẫn chứng, nên trong Đại luận quyển hai mươi chép: Xưa có vị Quốc vương đi dạo trong vườn, sáng thấy rừng hoa sum suê đáng yêu, ăn rồi nằm nghỉ, phu nhân thể nữ đều bẻ hoa, cây rừng gãy, vua thức dậy thấy việc ấy, ngộ tất cả pháp đều vô thường, suy nghĩ như vậy, ngộ Bích-chi-phật, phước đời trước đã sâu dày, nhờ chút nhân duyên dễ được quả Thánh.

Kế so sánh trong cảnh trước cũng y cứ theo nhãn sắc, đầy đủ mười pháp; kế nêu bày các căn, trong cảnh đầu kế kết thường dẫn nêu bày dẫn chứng kết phi. Nếu cảnh quán ở sau không thể nghĩ bàn.

Ban đầu dẫn kinh lập chung ba trí năm nhãn; kế giải thích riêng ba quán, trong giả quán nói: Ngoại đạo đánh đầu lâu thành tiếng. Trong kinh tạng Nhất A-hàm nói: Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, cùng năm trăm vị Tỳ-kheo từ tịnh thất xuống núi Linh Thứu, cùng với Phạm chí Lộc Đầu, đến rừng Đại Úy, lấy trao đầu lâu người chết cho Lộc Đầu mà nói rằng: Nay Phạm chí này nói các ngôi sao bao gồm thầy thuốc hay, khéo hiểu các tiếng biết nhân duyên chết.

Hỏi: Đây là đầu lâu của ai?

Đáp: Của người nam.

Hỏi: Vì sao chết?

Đáp: Các bệnh nhóm họp năm trăm lóng đốt đau mỗi nên chết. Dùng thuốc gì trị? Ha-lê-lặc hòa với mật trị sẽ không hết.

Lại hỏi: Sinh ở chỗ nào?

Đáp: Sinh vào ba đường ác.

Lại đánh một đầu lâu hỏi là ai?

Đáp: Người nữ.

Hỏi: Bệnh gì chết?

Đáp: Mang thai chết.

Có thuốc gì trị?

Uống bơ đề hồ.

Sinh vào chỗ nào?

Trong loài súc sinh.

Lại lấy một đầu lâu đánh, hỏi: Vì sao chết?

Ăn ít quá chết.

Có thuốc gì trị?

Ba ngày tuyệt thực

Sinh ở chỗ nào?

Sinh vào loài ngựa quỉ, vì tưởng là nước.

Lại lấy một đầu lâu đánh. Hỏi: ai đây?

Người nữ.

Vì sao chết?

Vì sinh chết.

Sinh ở chỗ nào?

Trong loài người.

Lại đánh một cái đầu đầu. Hỏi: Vì sao chết?

Bị người hại chết.

Sinh ở chỗ nào?

Sinh ở cõi trời.

Phật nói: Bị người hại chết sẽ đọa trong ba đường ác.

Lại đánh một đầu lâu nói: Người này giữ mười điều lành, lại bị chết đói, người sinh lên cõi trời không có việc đó.

Mỗi câu đáp lời Phật, Phật đều bảo rằng: Như ông đã nói: Phía Nam núi Hương có Tỳ-kheo Ưu-đà-diên, vào cõi Vô dư, Đức Phật đưa tay lấy đầu lâu, hỏi: Sinh về cõi nào?

Không có gốc chẳng phải nam chẳng phải nữ, không thấy chỗ sinh, chẳng thấy đi lại qua khắp tám phương, đều không có âm thanh, chẳng hay là ai.

Phật nói: Thôi thôi, lại hỏi lại Phật, Phật đều đáp đủ.

Lộc Đầu khen rằng việc này chưa từng có, ta quán sát con kiến, con biết xuất xứ âm thanh chim thú và thú còn phân biệt được trống mái, quán sát vị La-hán này không thấy chỗ sinh, chánh pháp của Đức Như lai rất đặc biệt, chín mươi lăm đạo ta đều có thể biết, pháp của Như lai không biết thú hưởng, cúi xin Đức Thế tôn nghe đạo kế. Đức Phật nói “thiện lai” liền đắc quả Vô học, nghe tiếng đã vậy, các trần cũng vậy, pháp của ngoại đạo nghe chết xương tiếng có thể thấu suốt được việc xa. Bởi trong tiếng vốn có đủ các pháp nên khiến ngoại đạo được chút phần kia, thậm nương nhật dụng hằng ngày mà không biết, huống chi nay diệu quán quán thẳng bốn lý, lý đủ các pháp, không đáng nghi ngờ. Trung quán như văn, tuy không có ở sau giải thích thành năm nhãn.

Kế dẫn hai kinh để chứng minh; kế kết thành nhất tâm; kế nói xen dùng, hỏi đáp đều như văn. Trong dẫn chứng ngài Tịnh Danh nói: Không có tướng, v.v... nêu sáu tác chặng giữa ban đầu hành duyên, không thấy tướng, v.v... là nêu sáu thọ, chặng giữa ban đầu thấy sắc, phải biết căn trần không đâu chẳng phải pháp giới, nên nói bất lai mà lai, v.v... như trong Bốn niệm xứ dẫn Duy thức chép: Nói Duy thức: Duy là một thức, lại chia ra hai thứ:

1- Phân biệt

2- Vô phân biệt.

Phân biệt thức gọi là Thức thức. Vô phân biệt gọi là trợ trần thức, tất cả thế gian đều là sở thành của Tợ trần thức, ba món vô tánh và các pháp sắc tâm xưa nay không hai, pháp đã phân ở hai thức, nêu bày cũng phân ở hai sắc.

Hỏi: Sắc và thức vì sao đồng và khác?

Đáp: Nếu sắc tâm đối nhau thì có sắc có tâm, nói về thể tánh ấy thì lia sắc vô tâm, lia tâm Vô sắc. Nếu tướng sắc tâm tức hai thì có hai, một thì đều một, cho nên trong Viên giáo nói cũng nên được nói duy sắc duy thính, duy hương, duy vị duy xúc, đâu chỉ xúc được nói Duy thức ư? Như trong Hợp luận nói: Không ở đâu chẳng đầy đủ pháp giáo, lại nữa nếu nói theo mặt thì tất cả chúng sinh có hai thứ khác nhau, thượng giới phần nhiều chấp thức, hạ giới phần nhiều chấp sắc. Nếu y theo thức thì chỉ có thức xem bên ngoài đến bên trong để quán sát nội thức đều là một thức, đã không rồi thì mười cõi đều không. Nếu thức là giả thì mười cõi đều giả, nếu thức trung thì mười cõi đều trung, chuyên quán nội tâm quán tất cả pháp, quán mười cõi bên ngoài thì thấy nội tâm, cho nên phải biết hoặc thức, hoặc sắc đều là duy sắc, hoặc thức hoặc sắc đều là Duy thức, tuy nói sắc tâm, chỉ có hai tên, nói về pháp thể ấy chỉ là pháp tánh, như vậy tức là pháp môn tâm địa, bất động tịch tràng hiện thân bát hội, Chư Phật giải thoát cầu ở trong tâm, tâm là hạt giống Phật, tâm tức Bồ-đề, phải dung ý này chung cho tất cả tâm, chung cho tất cả giáo, lý hạnh vị, v.v... là nói theo đây, thức trong vị kế, hoặc tiêm thấy, v.v... Trong Phổ Hiền Quán nói nếu hạnh có thể tùy Phổ Hiền giáo chánh tâm chánh ý, tiêm dụng tâm nhãn thấy Phật Phương Đông thân mâu vàng ròng trang nghiêm mâu nhiệm, thấy một Đức Phật rồi lại thấy một Đức Phật, như vậy thấy khắp Chư Phật Đồng pháp, tâm tưởng mãnh mẽ nên thấy khắp tất cả Phật mười phương. Đốn giáo thấy: Trong phẩm Bất Khinh nói: khi Tỳ-kheo sắp qua đời ở giữa hư không nghe Đức Phật Oai Âm Vương nói kinh Pháp Hoa trước có hai mươi muôn ngàn muôn ức bài kệ, đều có thể thọ trì liền được sáu căn thanh tịnh, trong văn kinh không nói. Tiêm giáo thấy một Đức Phật cho đến Chư Phật, nên gọi là Đốn giáo thấy.

Kế dụ cho Đại xa kết thành Phật sự, hoặc nhập, v.v... tức tự hành.

Kế dẫn ngài Tịnh Danh, hoặc có cõi Phật ánh sáng, v.v... tự hành hóa tha đều gọi là Phật sự, hoặc nói nếu có cõi Phật, v.v... tức là hóa tha. Như trong Lăng-già quyển ba nói: Thế giới không nháy mắt, thế

giới diệu hương khiến các Bồ-tát trở mắt nhìn không hề chớp mắt, được vô sinh nhẫn, tức nhẫn là pháp giới, lại có thành giáo, theo đây mà suy nghĩ.

Kế nêu bày chặng giữa trước nêu bày các thọ; kế nêu bày các căn; kế nói đại xa, như ở văn. Nếu ở sau khuyến tu, ban đầu bao gồm chặng giữa pháp trước. Kế dẫn dụ cho phân tích trong đó, nói chỉ là rấn dài, văn tự nói xen nhau, không tu chỉ quán như con rấn dài, khéo hiểu chỉ quán như ôm châu, hiểu mà không dùng là không có lợi ích. Trong Đại luận thứ mười giải thích nhân không đồng nên quả khác nhau với trung, có một con rấn đen ôm ma-ni mà ngủ, có vị La-hán khát thực không được, luận nói phá giới mà còn có phước, nên khiến đọa làm con rấn còn ôm châu báu, nay mượn phân tích, để dụ cho có giải mà không có hạnh, như con rấn ôm châu, với con rấn có ích gì?

Kế Biệt giáo dẫn ba dụ cho, đều là trước dụ cho kế hợp.

Ban đầu dụ cho Trung quán. “bốn” là cho, cũng là ban; “lộc” trong sách Nhĩ Nhã nói: Là phước.

Trong Hiếu Kinh Chú giải rằng: Kho đựng gọi là lộc. Trong Đường Thử nói: Thời thượng cổ không có lộc, người ăn lúa hoang do triều đình thiếu ăn, người thợ săn ban cho con Nai dùng làm thức ăn, nên biến thành chữ Lộc, người dân cũng được phước mỏng. “Giới” là tên chung của đồ binh khí, “kích” là giáo ngắn, là móc câu cây giáo: Quách Phác Chú giải rằng: Trong giáo, có cây đâm nhỏ nghĩa, là giáo to, nếu là mầm men, v.v... Thượng thư Ân Cao Tông hỏi thăm truyền thuyết về dân dã Phó Nham rằng: Nếu giúp sông lớn dùng ông làm thuyền bè, nếu tuổi lớn thì dùng ông làm mưa dầm, nếu làm rượu nếp thì chỉ có mầm men, nếu làm hòa canh, thì chỉ có dùng muối và hoa mai “duy trưởng”. Trong văn nói: Trên màn gọi là “mạc”, “trưởng”, trong văn nói: Có bốn hợp là tượng cung, thất tướng gọi là tướng.

Trong sách Hoài Nam Tử nói: Màn rèm của tướng quân, “chiết xung” là cắt rọc, “xung” trong văn nói: Là đường thông. Trong Quảng Nhã nói là đột, là quá kích, mà dùng lũ bắc. Trong văn nói: Bắc là trái. Lại quân tẩu gọi là bắc, lại bắc chủ ẩm phương là ẩm chủ sát tức bị giết là quân bại, mở búi tóc, v.v... Thượng Thư nói: Đức siêng năng Quan Công thưởng khuyến tỉnh, “mậu” là miễn, nay Viên giáo phá phiền não được thưởng thật tướng, rất tốt trong thưởng, như mở búi tóc cho châu, như các Thịnh văn đến Pháp Hoa, cùng tốt của công nên dụ cho luân vương mở giải dùng quyền là búi tóc, hiển bày hột châu là thật tướng. “Dã vu”, Nam Sư nói: Vu.

Nữ sư nói: “Hích” nghĩa là âm thân. Trong văn nói “Vu” là chú thuật. “Chú” là chủ cúng tế, trình bày lời khen ngợi, ba việc không nói, thì không thể pha ma quân, không thể dứt phiền não, không thể hiển bày pháp tánh, đối với ba dụ trước như văn nên biết “khu khu là thu mình nhỏ lại suốt ngày cứ như vậy”. Quân là chúng Mười hai ngàn người, gọi là quân, nay ma quân đâu cần định số, chỉ nói là chúng.